TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/2023/QĐST- HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 01 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thanh H, sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú: Đường M, Phường N, thành phố P, tỉnh L.

Nơi cư trú: Đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Y.

Bị đơn: Ông Trịnh H, sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thanh H và ông Trịnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thanh H và ông Trịnh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung là Trịnh Thị Hồng N, sinh năm 1994 và Trịnh Quốc V, sinh năm 2000 đều đã thành niên và khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thanh H và ông Trịnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Thanh H tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000410 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự TP.Vũng Tàu; Hoàn trả lại cho bà H số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND TP.Vũng Tàu;*
- *Thi hành án DS TP.Vũng Tàu;*
- *UBND Phường 4, TP Đà Lạt*
- *Lưu HS vụ án.*